**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Vĩnh Cửu, ngày 03 tháng 5 năm 2019*

# HỢP ĐỒNG TƯ VẤN
## LẬP THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG – DỰ TOÁN
## Số: 06/2019/HĐTV-CP

**Gói thầu số 03 (Tư vấn): Lập Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán**
**Dự án: Trường Mầm non Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu**

giữa

**Ban Quản lý Dự án huyện Vĩnh Cửu**

và

**Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Cường Phát**

# MỤC LỤC


Phần 1 – CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG .....3
Phần 2 – CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG .....3
Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải .....4
Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên .....5
Điều 3. Trao đổi thông tin .....5
Điều 4. Luật và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng .....5
Điều 5. Nội dung và khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn Lập thiết kế bản vẽ thi công – dự toán .....5
Điều 6. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn Lập Thiết kế bản vẽ thi công – dự toán .....6
Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng .....6
Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng .....6
Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán .....7
Điều 10. Điều chỉnh Hợp đồng .....8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn .....9
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư .....10
Điều 13. Nhân lực của nhà thầu .....11
Điều 14. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu .....11
Điều 15. Bảo hiểm .....12
Điều 16. Rủi ro và bất khả kháng .....12
Điều 17. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng .....13
Điều 18. Chấm dứt Hợp đồng .....14
Điều 19. Phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng .....15
Điều 20. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp .....15
Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng .....16
Điều 22. Điều khoản chung .....17

## PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Căn cứ Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 06 năm 2015 V/v quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính Phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu Thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây Dựng;

Căn cứ thông tư 08/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây Dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng;

Căn cứ Thông tư 52/2018/TT-BTC ngày 24/05/2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài Chính quy định về quản lý thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 6402/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Trường Mầm non Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu;

Căn cứ Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Trường Mầm non Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu;

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-BQL ngày 02 tháng 05 năm 2019 của Ban Quản lý dự án huyện Vĩnh Cửu về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu số 03 (tư vấn) Lập thiết kế bản vẽ thi công – dự toán dự án Trường Mầm non Bình Lợi.

Căn cứ biên bản thương thảo hợp đồng giữa Ban quản lý dự án huyện Vĩnh Cửu và Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Cường Phát ngày 02 tháng 5 năm 2019.

## PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 03 tháng 5 năm 2019 tại văn phòng Ban Quản lý Dự án huyện Vĩnh Cửu, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

Một bên là: **Chủ đầu tư**

Tên giao dịch : **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN HUYỆN VĨNH CỬU**

Đại diện là Ông : **ĐOÀN TẤN LỰC**. Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ : Thị trấn Vĩnh An, Huyện Vĩnh Cửu - Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0251.861953 Fax :

Tài khoản : 9552.3.7709340 tại Kho bạc Nhà nước huyện Vĩnh Cửu .

và bên kia là : **Nhà thầu**

Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG CƯỜNG PHÁT**

Đại diện là : Ông **TRƯƠNG HOÀI LINH** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : 167N4 – KDC. Bửu Long, KP. 1 - P. Bửu Long - TP. Biên Hoà – T.Đồng Nai

Tài khoản số: 207973769 -Tại Ngân hàng ACB CN Đồng Nai

Mã số thuế : 3603325155

Các bên thống nhất thỏa thuận như sau:

**Điều 1: Các định nghĩa và diễn giải**

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1.1. Chủ đầu tư là: **Ban Quản lý Dự án huyện Vĩnh Cửu**

1.2. Nhà thầu là: **Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Cường Phát**

1.3. Dự án là dự án " Trường Mầm non Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu."

1.4. Công trình là "Trường Mầm non Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu."

1.5. Gói thầu là Tư vấn lập Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán

1.6. Đại diện chủ đầu tư là ông **ĐOÀN TẤN LỰC** Giám đốc Ban Quản Lý Dự Án

1.7. Đại diện nhà thầu là ông **TRƯƠNG HOÀI LINH** giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Cường Phát

1.8. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để trực tiếp thực hiện công việc

1.9. Hợp đồng là toàn bộ hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại điều 2 (hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên).

1.10. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

1.11. Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.12. Bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 16 [Rủi ro và bất khả kháng]

1.13. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**Điều 2 : Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên**

21. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại khoản 22 dưới đây.

22. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu;

b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc Điều khoản tham chiếu đối với hợp đồng tư vấn xây dựng.

c) Điều kiện chung của hợp đồng;

d) Hồ sơ yêu cầu của bên giao thầu.

e) Các bản vẽ thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật.

f) Biên bản đàm phán hợp đồng.

g) Các tài liệu khác có liên quan.

2.3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng tư vấn xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 điều này.

**Điều 3 : Trao đổi thông tin**

3.1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng hoặc liên hệ trực tiếp.

3.2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

**Điều 4 : Luật và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng**

4.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

4.2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

**Điều 5 : Nội dung và khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn Lập Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán**

5.1. Nghiên cứu chủ trương quy mô đã được duyệt, khảo sát hiện trường và trình cho Chủ đầu tư mọi sản phẩm hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán bao gồm các bản vẽ, dự toán xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng.

5.2. Đề xuất của nhà thầu đối với công việc tư vấn lập Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán

5.3. Khảo sát hiện trường.

5.4. Tham gia các cuộc họp có liên quan tới sản phẩm tư vấn xây dựng khi Chủ đầu tư yêu cầu trong quá trình triển khai thực hiện.

5.5. Nhà thầu phải tham gia nghiệm thu hoàn thành công việc, hạng mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

**Điều 6 : Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn Lập Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán**

6.1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung của hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được bênh nhận thầu hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

6.2. Số lượng hồ sơ sản phẩm của Hợp đồng là 07 bộ.

**Điều 7 : Nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng.**

7.1.Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn lập Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình:

a) Hợp đồng giao nhận thầu tư vấn lập Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán;

b) Nhiệm vụ tư vấn lập Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình;

c) Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng;

d) Hồ sơ lập Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán gồm thuyết minh Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán, bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công.

7.2. Nghiệm thu sản phẩm:

Sau khi Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt và đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do nhà thầu cung cấp, bên mời thầu căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng nhà thầu phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thoả thuận trong Hợp đồng.

**Điều 8 : Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng**

8.1. Tiến độ thực hiện Hợp đồng được qui định cụ thể với tổng thời gian thực hiện là 60 ngày kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực *(thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng)*.

8.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoặc chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu

xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

8.3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của nhà thầu.

**Điều 09 : Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán**

09.1. Giá hợp đồng:

Giá hợp đồng (tạm tính) là: **767.728.000** đồng *(Bảy trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng)*. Đã bao gồm thuế VAT 10%, lãi và các phí bảo hiểm.

Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

09.2. Nội dung của giá hợp đồng.

a. Nội dung của giá hợp đồng tư vấn Lập Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán bao gồm:

Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

Chi phí đi thực địa.

Chi phí đi lại khi tham gia vào trình nghiệm thu theo yêu cầu của bên giao thầu.

Chi phí giám sát tác giả.

Chi phí khác có liên quan.

b. Giá hợp đồng tư vấn xây dựng không bao gồm:

Chi phí cho các cuộc họp của bên giao thầu.

Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.

Chi phí khác mà các bên thỏa thuận không bao gồm trong giá hợp đồng.

09.3. Tạm ứng:

a) Bên giao thầu tạm ứng cho Bên nhận thầu 50% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền làm tròn là: **383.864.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi bốn ngàn đồng)**.

b) Số tiền tạm ứng sẽ được Chủ đầu tư thu hồi ngay ở lần thanh toán đầu tiên.

09.4. Tiến độ thanh toán:

- Điều kiện thanh toán theo tiến độ cấp phát vốn.

- Sau khi nhà thầu hoàn thành toàn bộ công việc khảo sát được chủ đầu tư chấp nhận nghiệm thu và bàn giao toàn bộ hồ sơ hợp lệ. Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu 90% giá trị hợp đồng sau khi trừ đi số tiền tạm ứng, số tiền còn lại

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu sau khi nhà thầu đã thực hiện xong công việc giám sát tác giả.

09.5. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo Phụ lục số 03.a.

*(Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình có ghi cả khối lượng).*

- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng theo Phụ lục số 04

- Đề nghị thanh toán của nhà thầu bao gồm: Giá trị hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này theo Phụ lục số 03.a

09.6. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

09.7 Các khoản thanh toán trên không được vượt kế hoạch vốn ghi cho công trình tại thời điểm thanh toán. *(Nếu kế hoạch vốn ghi cho công trình tại thời điểm thanh toán không đủ tạm ứng, thanh toán thì chủ đầu tư không vi phạm hợp đồng).*

**Điều 10 : Điều chỉnh hợp đồng.**

10.1. Điều chỉnh khối lượng công việc:

Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thay đổi phạm vi (tăng, giảm) trong hợp đồng thì đối với khối lượng công việc này các bên thỏa thuận điều chỉnh tương ứng.

Đối với khối lượng phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết mà chưa có đơn giá trong hợp đồng thì được xác định trên cơ sở thỏa thuận hợp đồng và quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Các bên phải ký kết phụ lục hợp đồng làm cơ sở cho việc thanh toán, quyết toán hợp đồng.

10.2. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

Trường hợp thời hạn hoàn thành công việc tư vấn chậm so với tiến đô công việc của hợp đồng do lỗi của nhà thầu thì nhà thầu phải có giải pháp khắc phục để đảm bảo tiến độ của hợp đồng. Nếu tiến độ thực hiện hợp đồng bị kéo dài so với tiến độ của hợp đồng đã ký thì nhà thầu phải kiến nghị chủ đầu tư gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp phát sinh chi phí thì nhà thầu phải khắc phục bằng chi phí của mình. Nếu gây thiệt hại cho chủ đầu tư thì nhà thầu phải bồi thường.

Trường hợp thời hạn hoàn thành công việc tư vấn chậm so với tiến đô công việc của hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư thì chủ đầu tư phải gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Gây thiệt hại nhà thầu thì phải bồi thường.

Trường hợp điều chỉnh các nội dung khác của hợp đồng này thì các bên thống nhất điều chỉnh trên cơ sở các thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 11 : Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn.**

11.1. Quyền của nhà tư vấn:

a. yêu cầu chủ đầu tưcung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vũ tư vấn.

b. Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c. Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của chủ đầu tư.

d. Được đảm bảo quyền tác giả theo qui định của pháp luật.

e. Được quyền yêu cầu chủ đầu tư thanh toán đúng hạn.

11.2. Nghĩa vụ của nhà tư vấn.

a. Hoàn thành công việc theo đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.

b. Tham gia nhiệm thu công trình xây dựng cùng chủ đầu tư theo qui định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dượng, giám sát tác giả, trả lời các nội dung có liên quan đến hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của chủ đầu tư.

c. Thông báo ngay bằng văn bản cho chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiên làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

d. Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có qui định.

e.Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

- Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến toàn bộ các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của nhà thầu theo Hợp đồng, hoặc các rủi do có thể phát sinh cho nhà thầu trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dượng được quy định trong Hợp đồng.

- Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong Hợp đồng này, nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm.

f. Thực hiện tư vấn xây dựng theo đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng, nhân lực của tư vấn sẽ luôn tuân thủ pháp luật Việt Nam.

g. Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

h. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức.

k. Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo qui định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp,

bố trí nhân lực của mình có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

l. Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết công việc còn vướng mắt tại bắc kỳ thời điểm nào theo yêu cầu của chủ đầu tư cho đến ngày nhiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

m. Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo đúng thỏa thuận của hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

n. Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

p. Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu hạng mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của chủ đầu tư.

q. Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

**Điều 12 : Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư**

12.1. Quyền của chủ đầu tư:

a) Được quyền Sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo Hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo Hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của nhà thầu tư vấn nhưng không cản trở hoạt động bình thường của nhà thầu tư vấn nếu thấy cần thiết.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏ thuận của hợp đồng tư vấn.

đ) Yêu cầu bênh nhận thầu thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo qui định.

12.2. Nghĩa vụ của chủ đầu tư:

a) Hướng dẫn nhà thầu về những nội dung liên quan đến Dự án và Hồ sơ yêu cầu; Tạo điều kiện để nhà thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.

b) Cung cấp các tài liệu cần thiết theo đề xuất của nhà thầu để nhà thầu thực hiện công việc tư vấn. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.

c) Xem xét yêu cầu, đề xuất của nhà thầu liên quan đến thực hiện công việc tư vấn và phê duyệt trong một khoảng thời gian hợp lý để không làm chậm tiến độ thực hiện tư vấn xây dựng.

e) Thanh toán cho nhà thầu toàn bộ giá hợp đồng theo đúng các qui định được thỏa thuận trong Hợp đồng này.

f) Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của nhà thầu trong khoản thời

gian 05 ngày.

g) Cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để làm việc với nhà thầu.

**Điều 13: nhân lực nhà thầu:**

13.1. Nhân lực của nhà thầu phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực theo qui định của luật xây dựng.

13.2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện theo được quy định theo biên bản thương thảo hợp đồng. Trường hợp thay đổi nhân sự, nhà thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà thầu thì nhân sự đó coi như được chủ đầu tư chấp thuận.

13.3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho chủ đầu tư trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ xung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu thì chi phí phát sinh do Nhà thầu chịu

13.4. Nhà thầu có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư chấp thuận.

13.5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự bị kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở phụ lục hợp đồng.

13.6. Nhà thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

**Điều 14 : Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu**

14.1. Nhà thầu sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp đồng mà không cần phải xin phép nhà thầu.

14.2. Nhà thầu phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do nhà thầu thực hiện và cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

14.3. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

**Điều 15 : Bảo hiểm**

Nhà thầu phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo qui định.

**Điều 16 : Rủi ro và bất khả kháng**

16.1. Bất khả kháng khác trong hoạt động tư vấn xây dựng bao gồm các sự kiện sau: khi thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng gặp hang caster, cổ vật, khảo cổ, túi bùng mà khi ký hợp đồng không lường hết được.

16.2. Trách nhiệm của các bênh đối với rủi ro:

a. Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xẩy ra bênh nhận thầu phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b. Đối với rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả của các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c. Bên nhận thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho bênh giao thầu đối với các thiệt hại, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d. Bên giao thầu phải bồi thường những tổn hại cho bênh nhận thầu đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

16.3. Thông báo về bất khả kháng:

a. Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b. Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến nghĩa vụ hợp đồng.

16.4. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a. Nếu bên nhận thầu bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, bên nhận thầu sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng(gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản qui định trong hợp

đồng.

b. Bênh giao thầu phải xem xét quyết định các đề nghị của bênh nhận thầu.

c. Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền cảu bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

16.5. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm:

a. Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo qui định của hợp đồng trong khoản thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho ben kia.

b. Đối với trường hợp chấm dứt này, bên giao thầu sẽ phải thanh toán cho ben nhận thầu.

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong hợp đồng.

Chi phí cho thiết bị vật tư được đặt hàng cho công trinh đã được chuyển tới cho bên nhận thầu, hoặc những thứ bên nhận thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng; Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản(là rủi ro) của bên giao thầu khi đã được bên giao thầu thanh toán, và bên nhận thầu sẽ để cho bên giao thầu sử dụng.

**Điều 17 : Tạm ngừng công việc trong hợp đồng**

17.1. Tạm ngừng công việc bởi chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, chủ đầu tư có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu, chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

17.2. Tạm ngừng công việc bởi nhà thầu

a) Nếu chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho chủ đầu tư, nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

17.3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

**Điều 18 : Chấm dứt hợp đồng**

18.1. Chấm dứt Hợp đồng bởi chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt Hợp đồng, sau 30 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

a) Nhà thầu không tuân thủ về Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu các bên có thỏa thuận bảo đảm thực hiện hợp đồng).

b) Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 15 ngày mà chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư về sai sót đó.

c) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 8 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng], hoặc 45 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

d) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của chủ đầu tư.

e) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

f) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 20 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

g) Nhà thầu cố ý trình chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của chủ đầu tư.

h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 16 [Rủi ro và bất khả kháng]. Sau khi chấm dứt Hợp đồng, chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

18.2. Chấm dứt hợp đồng bởi nhà thầu

Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho chủ đầu tư tối thiểu là 30 ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 45 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của chủ đầu tư.

b)Chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo Hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 20 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp] sau 45 ngày kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 20 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 45 ngày.

18.3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

18.4. Khi một trong hai bên chấm dứt Hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, nhà thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

18.5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 10 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác...).

**Điều 19 : Phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng**

a./ Nếu nhà thầu vi phạm chất lượng, nhà thầu bị phạt từ 3% giái trị hợp đồng và phải khắc phục ngay những vi phạm trên. Đồng thời nếu những vi phạm này gây ra thiệt hại thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường những thiệt hại mà lỗi do mình gây ra.

b./Phạt vi phạm hợp đồng

Đối với nhà thầu: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng 10 ngày thì phạt 2% giá hợp đồng cho 10 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

Đối với chủ đầu tư: Nếu thanh toán chậm cho nhà thầu theo quy định tại Điều 10 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] thì phải bồi thường cho nhà thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà nhà thầu mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi chủ đầu tư đã thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.

**Điều 20 : Khiếu nại và giải quyết tranh chấp**

20.1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội

dung khiếu nại trong vòng 15 ngày. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lýthì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thoả thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

20.2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam *(hoặc Toà án Nhân dân)* theo qui định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài *(hoặc Toà án Nhân dân)* là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

20.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

**Điều 21 : Quyết toán và thanh lý Hợp đồng**

21.1. Quyết toán Hợp đồng

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của chủ đầu tư rằng nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo qui định của Hợp đồng, nhà thầu sẽ trình cho chủ đầu tư 08 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.

b) Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).

c) Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu.

Nếu chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng nhà thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, nhà thầu sẽ cung cấp thêm thông tin khi chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống

nhất của hai bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

Sau khi hai bên đã thống nhất tài liệu quyết toán, chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của Hợp đồng cho nhà thầu.

**Điều 22 : Điều khoản chung**

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng này bao gồm 17 trang, được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 04 bản, nhà thầu sẽ giữ 02 bản./.

| | |
|---|---|
| **CHỦ ĐẦU TƯ**<br>**GIÁM ĐỐC** | **NHÀ THẦU**<br>**GIÁM ĐỐC** |
| **ĐOÀN TẤN LỰC** | **TRƯƠNG HOÀI LINH** |